

Số: 1295/QĐ-UBND

Chợ Quán, ngày 08 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước
6 tháng năm 2026**

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CHỢ QUÁN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 3199/QĐ-UBND ngày 15 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 63/QĐ-UBND ngày 01 tháng 01 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc điều chỉnh giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 2589/QĐ-UBND ngày 30 tháng 4 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh dự toán thu ngân sách nhà nước, thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Chợ Quán về thành lập các cơ quan chuyên môn và Trung tâm Phục vụ hành chính công thuộc Ủy ban nhân dân phường Chợ Quán;

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân phường Chợ Quán về dự toán thu - chi ngân sách và phương án phân bổ ngân sách phường Chợ Quán năm 2026;

Căn cứ Nghị quyết số 21/NQ-HĐND ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Hội đồng nhân dân phường Chợ Quán về điều chỉnh dự toán thu, chi ngân sách phường Chợ Quán năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 4252/QĐ-UBND ngày 24 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Chợ Quán về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 233/QĐ-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Chợ Quán về điều chỉnh giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 1916/TTr-KTHTĐT ngày 7 tháng 7 năm 2026 về việc công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước 6 tháng năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai thực hiện dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước 6 tháng năm 2026 của phường Chợ Quán (đính kèm biểu mẫu).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường, Trưởng phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường, thủ trưởng các phòng ban, thuộc phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính/TP;
- TT.ĐU-HĐND P.Chợ Quán;
- Chủ tịch, các Phó CT.UBND/P.Chợ Quán;
- Lưu: VT, P.KTHTĐT (Tài-2b)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Võ Xuân Kỳ



Đơn vị: Phường Chợ Quán
Chương: 800

Mẫu biểu số 75

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH
6 tháng năm 2026

(Kèm theo Quyết định số 12.95.../QĐ-UBND ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Ủy ban nhân dân phường Chợ Quán)

Căn cứ Nghị định số 73/2026/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 26/2026/TT-BTC ngày 25 tháng 03 năm 2026 của Bộ Tài chính quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 73/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước.

Phường Chợ Quán công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách 6 tháng năm 2026 như sau:

Đơn vị: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2026	Ước thực hiện 6 tháng năm 2026	Ước thực hiện/Dự toán năm 2026 (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (3/6/9 tháng, năm) so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ%)
1	2	3	4	5	6
A	Dự toán thu ngân sách	432.309.000.000	298.094.246.483	68,954	
I	Các khoản thu 100%	4.597.000.000	3.033.118.696	65,980	
	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	4.597.000.000	3.033.118.696	65,980	
II	Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)	11.416.000.000	7.550.069.115	66,136	
	Lệ phí trước bạ nhà, đất	9.802.000.000	5.016.801.400	51,181	
	Thu phí, lệ phí	292.000.000	643.212.305	220,278	
	Thu khác ngân sách; thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi, công sản khác	1.322.000.000	1.890.055.410	142,969	
III	Thu chuyển nguồn		12.185.789.172		
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước				
V	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	416.296.000.000	275.325.269.500	66,137	
	Thu bổ sung cân đối ngân sách cấp trên	140.377.000.000	145.653.000.000		
	Thu bổ sung để thực hiện cải cách tiền lương	150.941.000.000			
	Thu bổ sung có mục tiêu	124.978.000.000	129.672.269.500	103,756	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	432.309.000.000	149.190.756.265	34,510	
I	Nguồn ngân sách trong nước	432.309.000.000	149.190.756.265	34,510	
1	Chi quản lý hành chính	87.110.000.000	34.949.881.330	40,122	
1.1	Kinh phí giao thực hiện chế độ tự chủ	31.130.000.000	11.492.860.862	36,919	
1.2	Kinh phí không giao thực hiện chế độ tự chủ	55.980.000.000	23.457.020.468	41,903	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	-	6.824.610.240		
21	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	-			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	-			
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	-			

	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	-			
23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		6.824.610.240		
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo	181.521.000.000	59.300.539.965	32,669	
3.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	89.172.880.000	37.240.942.701	41,763	
3.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	92.348.120.000	22.059.597.264	23,887	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	43.630.000.000	11.745.630.655	26,921	
4.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	15.053.000.000			
4.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	28.577.000.000	11.745.630.655	41,102	
5	Chi bảo đảm xã hội	51.355.000.000	25.486.543.309	49,628	
5.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
5.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	51.355.000.000	25.486.543.309	49,628	
6	Chi hoạt động kinh tế	5.921.000.000			
6.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
6.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	5.921.000.000			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	8.618.000.000	1.920.828.745	22,289	
7.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
7.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	8.618.000.000	1.920.828.745	22,289	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	3.236.000.000	99.617.057	3,078	
8.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	960.000.000			
8.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	2.276.000.000	99.617.057	4,377	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	-			
9.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ				
9.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	9.607.000.000			
10.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	3.704.000.000			
10.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	5.903.000.000			
11	Quốc phòng	15.247.000.000	4.919.196.767	32,263	
11.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	635.000.000	90.543.214	14,259	
11.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	14.612.000.000	4.828.653.553	33,046	
12	An ninh và trật tự an toàn xã hội	11.230.000.000	3.543.908.197	31,558	
12.1	Kinh phí thường xuyên giao tự chủ	-			
12.2	Kinh phí thường xuyên không giao tự chủ	11.230.000.000	3.543.908.197	31,558	
13	Chi khác	2.834.000.000			
14	Dự phòng	11.450.000.000			
15	Chi đầu tư phát triển	550.000.000	400.000.000	72,727	
II	Nguồn vốn viện trợ				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				

ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG CHỢ QUÁN